

Bài 142. Kinh Tăng Chi | Chương Năm pháp | Phàm Kimbila | Sư Giác Nguyên giảng 11/12/2018

CHƯƠNG V – NĂM PHÁP

XX. PHẨM BÀ-LA-MÔN

BÀI KINH 200 – XUẤT LY

Hôm nay chúng ta học Kinh 200. Kinh này, không lẽ kinh nào tôi cũng nói sâu thì kỳ quá, mà nó sâu thiệt. Bài kinh như thế này.

Từ cảnh giới cao nhất trong cõi luân hồi trong vô lượng vũ trụ, mỗi vũ trụ như vậy giống như một trái lựu gồm nhiều cảnh giới nhỏ nhỏ nằm trong đó. Có vô lượng trái lựu trôi nổi như vậy. Trong mỗi trái lựu ấy, chúng sinh chia làm ba cấp:

Cấp một là sống chết buồn vui trong năm dục.

Cấp hai là chán dục mà chìm sâu trong cảnh giới thiên định, Sắc giới.

Cảnh giới thứ ba là Vô sắc giới, là cảnh giới của những người chán luôn vật chất. Họ chỉ muốn giữ lại đời sống toàn là tâm thức thôi, thuần túy đời sống tâm lý thôi. Nếu không có Phật ra đời thì ai đắc này biết, chớ còn ngoài ra không thể diễn tả cho người bình thường nghe hiểu được cảnh giới này. Cảnh giới thuần túy tâm lý thôi.

Hôm nay chúng ta học vật lý, chúng ta biết rằng, tuy mang tiếng vật chất, như vật chất đen, vật chất tối là dark material, hay âm thanh và ánh sáng cũng có những thứ nó nằm ngoài khả năng nhận biết của tai và mắt thường. Đó là trong thế giới vật chất.

Còn trong cõi hiện hữu của chúng sinh chúng ta có nhiều kiểu hiện hữu lắm, quý vị. Như này tôi vừa nói, có những thứ ánh sáng mà mắt thường không thấy được. Có những thứ âm thanh, tần số, những làn sóng hạ âm mà tai thường không nghe được. Thậm chí có những trường hợp những phân tử mùi nó quá ít đi, hoặc loại mùi đó quá

nhẹ đi mà cái mũi thường không ngửi được, nhưng con chó lại ngửi được, con cá mập ngửi được. Cá mập có thể ghi nhận một giọt máu ở rất xa.

Cũng vậy, trong cõi hiện hữu của chúng ta có nhiều hình thức tế và thô. Tôi gom gọn trong kinh có ba, như này tôi nói: cấp một chìm đắm trong năm dục, nhận biết thế giới thông qua năm giác quan vật chất. Đó là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý thức. Loại chúng sinh thứ hai cao cấp hơn, đó là họ nhàm chán năm dục. Họ sống trong cảnh giới thiền định. Nhưng cái thiền định đó được thành tựu bởi các đề mục vật chất. Và cảnh giới họ đi về cũng còn dính líu tới vật chất chút ít. Họ mới tu lên tầng Vô sắc.

Tu bằng cách nào? Họ chán. Họ không muốn tiếp tục tồn tại trong hình thức vật chất, trong sự ràng buộc của vật chất nữa. Họ hướng tới cảnh giới Vô sắc, không có hình tướng.

Chúng ta đã học bài kinh này rồi, cách đây không lâu. Đức Phật ngài dạy có một sự cách biệt rất lớn giữa những người biết được Chánh Pháp và những người không biết được Chánh Pháp. Những người không biết được Chánh Pháp, họ hưởng dục, họ chìm đắm trong sắc, thanh, khí, vị, xúc để rồi họ lại quay lui những nẻo đường sanh tử, sa đọa. Rồi có những người khá hơn, chứng đắc các tầng thiền và thấy đó là số một, thấy đó là cứu cánh, thấy đó là tuyệt đỉnh. Tưởng sao, sống hết tuổi thọ trên các tầng Phạm thiên, họ cũng quay lui trở về với cõi Dục giới.

Chỉ riêng đệ tử của Như Lai, dầu sống trong thế giới Dục hay thế giới Thiền, thì luôn luôn sống bằng tâm niệm, bằng nhận thức rất rõ là mọi hiện hữu là khổ, mọi thứ ở đời đều do duyên mà có, có rồi phải mất. Với sự nhàm chán này, từ nhận thức, từ ý thức này, thì vị đó dầu sống trong Dục hay sống trong Thiền thì cũng nhanh chóng lìa bỏ chuyện tái sinh.

Năm con đường xuất ly

Chúng tôi phải giảng sơ cái nền để bà con thấy mới vô bài kinh được. Ở đây Ngài dạy có năm con đường giải thoát gọi là xuất ly (...). Và tôi đã nói không biết bao nhiêu

lần, bà con trong room quên hoài. Cho tôi nói nửa đùa nửa thiệt nghe, cái này nửa đùa mà có thiệt trong đó.

Tại sao mà tôi có ý đi về Miến Điện? Cả đời tôi chưa hề có ý làm trụ trì, quý vị. Nhưng mà ông thầy, ông sư mà có cái xà lỏn không thì nói họ không có nghe! Mà tôi đi tìm một chỗ để cho cái tuổi già của tôi, cho những người đồng điệu với tôi mà họ cũng cần một trú xứ. Mà ý nghĩa nhỏ nhất tôi xếp hàng thứ ba đó là tôi phải có một trú xứ trên đất Phật Miến Điện, để dễ ăn nói với bà con, cho nó linh chớ không gì hết. Dân mình “bốn ngàn năm chen lấn” có khuynh hướng tâm lý, có xu thế muôn đời là chỉ nghe thẳng cha nào có cơ sở vật chất thôi.

Bây giờ các vị nhớ dùm, bài kinh này có nội dung là năm con đường thoát ly.

Thuở nào trong vòng tay cha mẹ mình, đến tuổi dậy thì, ăn học ba mớ, tốt nghiệp trung học, mình thấy như mình muốn bung ra với chợ đời. Chớ ở hoài trong nhà mình thấy làm như không có trưởng thành, thấy mình chưa chịu lớn. Muốn làm người lớn, bắt đầu tập hút thuốc, rồi đàn đúm với bạn bè, rồi đi sớm về khuya, rồi đua xe lạng lách, lái lùa đánh võng. Chứng tỏ ta đây trưởng thành. Đó là lối thoát thứ nhất trong đời của một kẻ phàm phu.

Lớn lên, khi mà chúng ta yêu thương, có hôn nhân, có gia đình, bất mãn cuộc sống gia đình, một lần nữa chúng ta lại thoát ly ra khỏi vòng tay người phối ngẫu để được trở lại quãng đời độc thân của mình. Rồi sao nữa? Rồi chúng ta bệnh. Chúng ta muốn làm sao để hết cái bệnh, nhảy ra khỏi cái bệnh. Không muốn bị giam hãm, kềm chế trong cơn bệnh đó.

Tuổi già ập đến, rồi chúng ta thấy bị giam hãm trong cái hình hài già nua còm cõi ấy. Có nghĩa là trong suốt một đời người, chúng ta liên tục và liên tục, từ nhỏ tìm cách trèo ra khỏi cái nôi của mình, trèo ra khỏi vòng tay bế ẵm của người lớn để tung tăng trên sân cỏ sân chơi. Lớn lên từng bước và từng bước, chúng ta muốn thoát ra khỏi sự giam hãm này và thoát ra khỏi nhà tù kia. Ấy vậy mà tất thảy những lần có ý muốn

thoát ly ấy, chúng ta không hề ý thức được rằng những thoát ly này nó chỉ là tạm thời thôi. Qua từng giai đoạn đời mà chúng ta thấy đâu đó là ngục tù và muốn ra khỏi nhà tù ấy.

Khi chư Phật ra đời, Ngài dạy rằng: tất cả những lần mà con muốn thoát ly ấy cũng chỉ là sự quần quanh thôi con à. Con ra khỏi nhà tù nhỏ để con hòa mình vào cái nhà tù lớn hơn với những bạn tù đông hơn. Con sẽ ở tù trong một hình thức khác, có thể sẽ tinh tế hơn, cao sang hơn, nhưng rốt cuộc con vẫn là người tù trăm năm!

Trong kinh này, Phật dạy rằng chúng sinh trong đời ai cũng ở tù hết. Tùy trình độ nhận thức, tùy ý thức về thân phận của mình mà mỗi người có kiểu thoát ly khác nhau. Hồi này tôi nói rồi, trèo ra khỏi cái nôi, đó cũng là kiểu thoát ly của đứa bé. Thoát ra khỏi vòng tay của cha mẹ, của gia đình để đến với cuộc đời, để có một mái ấm riêng.

Rồi ly dị, ly thân, ly hôn, nó cũng là một kiểu giải thoát.

Rồi cuối cùng, nhiều người tìm đến cái chết để không tiếp tục chịu cái cảnh già, cảnh bệnh nữa. Thí dụ như vậy cũng là kiểu giải thoát.

Nhưng trong kinh này, Ngài dạy năm kiểu giải thoát như sau.

1. Thứ nhất là an trú trong đề mục bất mỹ, bất tịnh để không đắm đuối, mê mẩn, ưa thích thân xác.

Có những người sanh ra trong thế giới của năm dục, không hề ý thức được rằng mình bị giam hãm, tù đầy trong thế giới chật hẹp của năm dục. Tại sao là “chật hẹp”? Chật hẹp là mỗi ngày mình sống trong cõi dục mà mắt mình không thấy, tai mình không nghe được, mũi không thể ngửi, lưỡi không thể nếm vị, thân bị mất hẳn xúc giác là mình sẽ thấy không chịu nổi, quý vị.

Phạm thiên Sắc giới, người ta chỉ có mắt với tai thôi, chớ họ không có mũi, lưỡi, xúc giác. Họ không có, họ không cần, mà họ cũng không thấy đó là sự khiếm khuyết, tật

nguyên, thua thiệt. Nhưng riêng trong cõi Dục này, tôi gọi cảnh giới năm dục là cảnh giới tù đầy, là bởi vì chúng ta bị giam hãm trong năm giác quan, các vị biết không?

Con mắt bắt chúng ta phải nhìn cái này, nhìn cái kia. Nhìn cái thích thì mình vui, còn nhìn cái mình ghét thì khó chịu. Lỗ tai cũng vậy, lúc nào nó cũng vảnh lên để nó đón nghe âm thanh này, tiếng động nọ. Nó nghe được cái nó thích thì nó vui, mà nó nghe phải thứ nó không thích thì bắt đầu nó khó chịu. Mũi cũng vậy. Lưỡi cũng vậy. Xúc giác cũng vậy, nghe!

Cho nên cả ngày như vậy, chúng ta đừng có tưởng là tay không bị còng, chân không bị xiềng, thân không bị nhốt có nghĩa là mình tự do. Sai bét! Khi mình còn bị lệ thuộc vào năm trần cảnh, năm giác quan vật chất, có nghĩa rằng chúng ta vẫn tiếp tục bị tù trong cái nhà tù tinh vi mắt thường khó thấy.

Cho nên Phật dạy trường hợp giải thoát thứ nhất là an trú trong đề mục bất mỹ. Thấy rằng thân này khi còn sống thì gồm 32 thể trược: tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, thận, tim, gan, mật, đàm, mủ, máu, mồ hôi, phân, nước tiểu.

Khi nó còn sống thì nó là đồng rác ô uế như vậy. Và nguồn sống của nó là các thứ thực phẩm. Các thứ thực phẩm ấy cũng có xuất xứ không lấy gì sạch sẽ lắm. Con cá, con cua, con tôm, con ốc là mấy con tanh tươi, hôi hám, nhớt lầy, nếu không được chế biến, xào nấu, khử mùi đúng mức thì không có cửa nào động vô mồm mình được hết.

Rồi bao nhiêu máu lệ phải đổ ra để có được miếng cơm dồn vào miệng để nuôi lấy cái thân bất tịnh này ngay khi nó còn sống. Còn sống là còn cưu mang tấm thân bất tịnh này. Bất tịnh là bất mỹ, là không sạch, không đẹp. Đẹp là do ảo giác thôi.

Nuôi nó, hễ nó còn tồn tại thì mình còn đối diện bao nhiêu thứ tai nạn, bất trắc, cái bệnh, cái già. Cuối cùng là cái chết. Tất cả những điều ấy đều được khởi đi từ chuyện chúng ta có cái thân này thôi.

Mai này, khi lặn đùng ra chết thì xác chết mình, trước khi trở về với đất trăm phần trăm, thì nó đã trải qua bao nhiêu giai đoạn mà thiên hạ ai cũng lạnh xương sống: trường sinh, xanh lè, bóng lưỡng, chảy nước, ruột phèo đổ tháo, hôi hám, ruồi nhặng, giò bọ, bla bla bla...

Cho nên chuyện đầu tiên, hành giả thấy rằng tấm thân này là không đẹp, không sạch. Nó được nuôi dưỡng bởi những nguồn cũng không đẹp, không sạch. Mai này, trước khi nó về đất, thật sự hòa tan vào đất, vào cát, thì nó cũng trải qua những giai đoạn rợn người, rất là mất vệ sinh! Nhờ vậy, tâm vị đó mới lìa bỏ được sự đam mê, đắm đuối, thương thích ngay trong tấm thân này.

Quý vị mà chán được cái thân này thì quý vị chán được bao nhiêu thứ khác. Trong room này bắt buộc phải tin chuyện đó. Khi mình thấy cái thân này là của nợ, là thứ đáng chán, thì bao thứ danh lợi, quyền lực, rồi tình cảm, tất cả đều không đáng để mình lưu tâm. Mình còn thấy cái thân này quan trọng thì nó mới kéo theo bao nhiêu thứ quan trọng khác.

Cho nên Ngài dạy lối thoát thứ nhất cho người trong cuộc đời này là an trú vào tâm niệm bất mỹ, bất tịnh. Tức là đời không có gì đẹp, không có gì sạch hết. Nhờ sống như vậy, đó cũng là một cách giải thoát.

2. An trú trong từ tâm.

An trú trong từ tâm để không bất mãn trong năm trần là một thứ phiền não thường trực trong tâm khảm phàm phu chúng ta.

Chúng ta suốt một ngày, đầu là ông hoàng bà chúa hay ăn mày, khổ rách áo ôm, mỗi ngày, từng giờ, chúng ta chủ yếu vật lộn với hai thứ phiền não:

Một là tham thích, đam mê, đắm đuối trong cái này, cái kia trong năm trần.

Hai là bất mãn trong năm trần. Có nghĩa những thứ mình thấy, mình nghe, mình ngửi, mình nếm, mình đụng, suy tư, nó không làm mình thỏa ý, vừa ý, làm mình bức mình,

khó chịu.

Để đối phó với tâm thương thích các trần thì chúng ta phải an trú trong đề mục bất tịnh, bất mỹ. Còn để đối phó với tâm bất mãn năm trần thì chúng ta phải an trú vào từ tâm. Nhớ nghe, an trú vào từ tâm.

3. An trú vào bi tâm.

Người không an trú bi tâm, từ bi hỷ xả đó, khi không sống trong bi tâm thì chúng ta sẵn sàng làm chuyện hại người, hại vật. Tôi biết trong room này nhiều người tưởng tôi lỗ miệng nói luôn: tại sao người rồi còn có vật là sao?

Trong kinh nói một vị tỳ kheo có một lối sống giống như Phạm thiên. Nghĩa là tận lực lìa xa sự hưởng thụ, thường thức năm trần. Thứ hai là vị tỳ kheo không có nhóm lửa, không có đào đất, không có chặt phá, bẻ bứt thảo mộc, vì như vậy cũng là một cách làm xâm hại đời sống, dầu là của loài vô tri. Để sợ chưa? Một vị tỳ kheo nguyên thủy mà giữ tròn 227 giới có đời sống rất giống Phạm thiên.

Cũng như có một bài kinh mà chúng ta sẽ học, Đức Phật dạy rằng người giữ 8 giới Bát quan thanh tịnh trong sạch thì trong đời sống của họ có rất nhiều nét giống vị La-hán. Ở đây cũng vậy. Riêng trong 227 giới của vị tỳ kheo, ngoài những khía cạnh giống La-hán ra, thì nó còn có những khía cạnh khiến cho vị tỳ kheo giống hệt như Phạm thiên. Có nghĩa là hạn chế tối đa việc thường thức, hưởng thụ năm trần, năm dục. Đó là dục tư duy. Đối với hại tư duy, vị này cũng hạn chế tối đa chuyện xâm hại người và vật.

Hồi này tôi nói rồi, tỳ kheo vô bệnh, đang khỏe mạnh, không được vô cớ nhúm lửa, đào đất, chặt đốn, bứt bẻ cây cối thảo mộc lớn bé. Bởi vì có lòng bi thì nhìn đâu mình cũng thấy không nỡ ra tay, quý vị à. Không có nỡ trực tiếp tác động tiêu cực lên chúng sinh khác thì khỏi nói rồi. Nhưng chuyện đang tâm ra tay bứt bẻ, chặt phá cây cối đối với vị tỳ kheo cũng là điều bất nhẫn, không có nỡ! Bởi vì

Thứ nhất, nó đang có sức sống mà. Nó không phải là chúng sinh nhưng nó đang có sức sống. Chưa hết, nó là nguồn sống, là điểm tựa của loài chúng sanh nào đó mà mình không biết, không thấy. Nhớ nhe!

Một là không nỡ hủy hoại một mầm sống. Trong Luật ghi rất rõ: một vị tỳ kheo không được ăn một thứ trái mà có hột có thể trồng được, trừ phi cái hột ấy nó được lấy ra. Tỳ kheo không được chặt đốn, bứt bẻ thảo mộc, mà cũng không được làm hư mầm sống trong trái cây.

Cho nên từ đó mới có từ “cappiya”, có nghĩa là một người cư sĩ theo hầu một vị tỳ kheo nguyên thủy nghe, chớ ngày nay không cần, là mua đất lập vườn luôn. Chớ ngày xưa tỳ kheo nguyên thủy là đến cả trái cây mà nó đang có cái hột trong đó thì người ta lấy ra mình mới được ăn. Đến mức khủng khiếp như vậy, nghe!

Cho nên đó là lòng đại bi. Thứ nhất là không nỡ, không đành hủy hoại mầm sống. Thứ hai là vị ấy thấy cái cây mình đốn, cái nhánh mình bẻ có thể là trú xứ của một loài chúng sinh khuất mày khuất mặt nào đó. Cho nên lối thoát thứ ba đó là muốn bỏ được tâm nhiều hại chúng sanh là phải an trú Bi tâm.

Tôi nhắc lại, đầu buổi giảng tôi đã vẽ ra cho bà con thấy thế giới này gồm nhiều loại chúng sanh là Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Hai điều đầu, một là an trú trong đề mục bất mỹ bất tịnh, hai là an trú trong Từ tâm, là để đối phó với tham, sân trong năm dục. Điều ba, an trú trong Bi tâm, là đối phó với tâm nhiều hại sự sống muôn loài.

Lìa bỏ Sắc giới bằng cách tu tập thiền Vô sắc

Mình tu hành cấp một là lìa bỏ tâm đắm mê trong năm dục. Tu tập ba điều đầu là đối phó với tham và sân bằng cách tu tập các tầng thiền Sắc giới. Sắc giới gồm đề mục “asubha” và “brahmavihara”. Đến tầng thứ tư thì Dục là cái cần phải bỏ, nhưng Sắc, còn đắm mê trong vật chất, dầu nó không dính líu tới năm dục, nhưng hễ còn dính líu tới vật chất thì vẫn chưa có khá. Cho nên vị ấy phải lìa bỏ luôn cảnh giới Sắc giới. Lìa bỏ Sắc giới bằng cách tu tập thiền Vô sắc.

Tôi nói lại lần nữa. Chúng sanh cấp thấp nhất là đam mê trong năm trần, năm dục. Khá hơn một chút là còn thích thú trong các tầng thiền. Nhưng tại sao mấy mươi đề mục mà ở đây chỉ nhắc có hai? Là vì hai đề mục đó có tác dụng trực tiếp lên trên tham dục và sân hận. Các vị nhớ nghe. Đây là lý do tại sao quá chừng đề mục thiền định mà chọn riêng hai đề mục này, đề mục asubha và brahmavihara. Bởi vì hai đề mục này trực tiếp tác động, trực tiếp làm việc một cách hiệu quả lên tham dục và sân hận nên đặc biệt được nhắc đến ở đây.

Nhưng tiếp theo Đức Phật ngài dạy rằng bỏ dục nhưng còn đam mê trong tầng thiền Sắc thì chưa khá. Phải chứng đắc được tầng Vô sắc mới chán được thiền Sắc một cách rất ráo. Nhưng rồi thì sao, chết cứng trong tầng thiền Vô sắc à? Chán Dục thì lên Sắc. Chán Sắc thì lên Vô sắc, rồi không lẽ đứng yên? Không! Đến điều thứ năm.

Lìa bỏ thân kiến

Là vị tỳ kheo nói riêng và vị hành giả cầu Đạo giải thoát nói chung. Trong đây nói là đoạn thứ sáu nhưng đây là điều thứ năm:

“Lại nữa, này các tỳ kheo. Vị tỳ kheo tác ý này có thân, tâm không phẩn chấn trong có thân.”

Trời đất ơi, các vị ơi, khổ quá, cái chữ “có thân” này các vị đọc bản tiếng Việt các vị hiểu tôi chết liền. Mà tôi đọc tôi cũng không hiểu!

Tôi hỏi trong room các vị có biết chữ thân kiến không? “Thân kiến” tiếng Pali là “sakkayaditthi”, nghĩa là thấy có “ta” trong năm uẩn, 5 uẩn là “ta”, 5 uẩn là “của ta”, ta có 5 uẩn. Tất cả những điều này gọi chung là thân kiến, sakkayaditthi. Trong đó “ditthi” là “kiến” đúng rồi. Còn cái “sakkaya” là gì? Nghĩa là saka kaya, là “bốn mạng của ta”. Nghĩa là thân này, tâm này, hồn này, xác này, tinh thần này, vật chất này là của tôi, tôi là hai thứ đó, hai thứ đó là tôi. Tôi có hai thứ đó, hai thứ đó là của tôi.

Như vậy chữ “sakkaya” đây dịch là “có thân” thì rất là kỳ! Mà phải nói là Danh Sắc và thân tâm nói chung được mình quan sát trong ý niệm ngã chấp. Thân tâm danh sắc nói chung, nhưng trong trường hợp chúng được ta quan sát ghi nhận như cái gì đó của mình, là mình, mình có cái đó và cái đó là chính mình, hoặc là của mình. Nhớ nhé!

Thì có 5 con đường giải thoát.

Đường một là tu tập đề mục bất mỹ bất tịnh để bỏ dục.

Thứ hai là tu tập Từ tâm để bỏ sân, sự bất mãn trong 5 trần.

Thứ ba là tu tập Bi tâm để từ bỏ tâm nhiều hại các loài chúng sanh hoặc là vô tri.

Thứ tư là tu tập thiền Vô sắc để nhàm chán được Sắc pháp hay là vật chất. Tại sao trong Kinh này đặc biệt Ngài nhấn mạnh đến cái Vô sắc ở đây? Để Ngài cho mình thấy rằng là chúng sanh trên đời này đụng đầu dính đó. Các vị biết chữ “satta” là chúng sanh, nghĩa đen là “đụng đầu dính đó”, chữ “sat” là dính. Satta là cái loài mà đụng đầu dính đó.

Nghĩa là sao? Thấy nó ngồi như vậy mà hể nghe cái “đùng” là cái tâm nó làm việc với âm thanh đó liền. Lỗ tai nó làm việc xong là con mắt nó mở ra, con mắt làm việc liền. Mà từ hướng đó có mùi gì đó là lỗ mũi làm việc liền. Coi như chúng sanh sáu căn nó luôn luôn trong tình trạng sẵn sàng làm việc. Mà không phải làm việc như bậc Thánh.

Bậc Thánh nghe biết là nghe, ngưng ở đó. Người biết là người, ngưng ở đó chớ không đi xa. Còn mình thì sao? Mình mà thấy, nghe, người, nếm, đụng là mình dính liền. Dính bằng cách nào? Dính bằng cách là đam mê hoặc là bất mãn liền. Mình có cái thái độ tức khắc đối với cái mình thấy, nghe, người, nếm, đụng. Nói chung là dính, đụng đầu dính đó là vậy. Là cái tâm mình gắn kết, Hán Tạng gọi là “phan duyên” đó.

Nó gắn kết lập tức với bất cứ cái gì mà nó thấy, nghe, ngửi, nếm, đụng, cho nên nó được gọi là satta, là chúng sinh.

Chữ “satta” nó còn cái nghĩa nữa. Đó là chữ “sa” cộng với “atta”, có nghĩa là cái loài có cái bản vị, có một cái tôi, một cái ngã riêng so với các loài vô tri không có cái bản ngã đi cùng. Nhớ nghe, chữ “satta” có nhiều nghĩa. Chớ rồi chỉ biết có một nghĩa rồi mai một đi cãi với người ta!

Ngài dạy có 5 hướng giải thoát. Cách một, chỉ lìa bỏ lòng đam mê trong 5 dục bằng cách là tu đề mục asubha, bất mỹ bất tịnh. Cách hai là để từ bỏ sự bất mãn trong 5 trần thì phải tu đề mục phạm trú mà ở đây là Từ tâm. Thứ ba là từ bỏ tâm nhiều hại bằng cách tu tập tâm bi. Tâm Từ là mong cho muôn loài được quả lành nhân lành. Bi tâm là mong cho muôn loài đừng bị nhân xấu quả xấu.

Mà tại sao những cái này cần phải

Thích cũng là một kiểu ở tù, mà ghét cũng là một kiểu ở tù. Biết trong room có hiểu cái này không ta?

Tôi thương cái người đó quá mà tôi ngủ không được. Mà tôi giận nó quá, tôi cũng không có ngủ được. Tôi từng có những đêm trong đời tôi ngủ không được là vì nó ồn quá, vì nó có cái mùi khó ngửi quá! Đó, nhớ nhe.

Ghét hay thương nó đều là nhà tù giam chúng ta hết.

Năm con đường vượt ngục

Cho nên kinh này Phật dạy có năm con đường để vượt ngục. Ngài dịch là “xuất ly”, chớ mình dịch huych tệt là năm con đường vượt ngục.

Thứ nhất là đừng tiếp tục thương nữa, thích nữa.

Thứ hai là đừng có ghét nữa.

Thứ ba là đừng có giam nhốt mình trong cái tâm niệm muốn nhiều hại muôn loài, đó cũng là một kiểu nhà tù. Tấn công loài người hoặc là đập phá, làm hư hao các vật cũng là các kiểu tâm nhiều hại.

Cái thứ ba này cũng nằm chung một group với cái thứ hai, nhưng Ngài kể rõ cho mình thấy cái phạm tâm mình hề đam mê thì tìm cách níu giữ, mà bất mãn thì tìm cách đập phá. Đây là lý do vì đâu Ngài kể riêng tâm bị ra.

Tới thứ tư là thiền Vô sắc. Khi mình còn chìm sâu trong cõi Dục là cơ hội giải thoát của mình rất là mỏng, nếu không muốn nói là không có. Phải tu tập làm sao để chán được năm dục. Bỏ được năm dục là mình gần với cứu cánh giải thoát một tí. Nhưng còn đam mê trong thiền Sắc giới thì cứu cánh giác ngộ cũng còn xa vời lắm.

Phải chán cả thiền Sắc giới. Phải lìa bỏ, dứt khoát với cái gọi là vật chất thì mới lên tới thiền Vô sắc. Mà anh phải chán luôn cả “danh” và “sắc”, cả tinh thần lẫn thể xác, mọi hình thức hiện hữu, dầu tế dầu thô.

Người không biết đạo hôm nay vào nghe giảng chỉ có điếc con ráy thôi, vì hôm nay nghe toàn thuật ngữ không. Tôi đã cố gắng tìm cách làm tinh giản, đơn giản hóa tận cùng để cho bà con hiểu.

Tức là chúng sanh có loại đam mê trong dục. Có loại đam mê trong các hình thức vật chất vi tế. Còn có những loại chán luôn mọi hình thức vật chất mà chỉ còn đam mê trong cõi tinh thần thuần túy. Mà Phật dạy dầu đam mê trong cái gì thì cuối cùng cũng trở về với đơn vị gốc, có nghĩa là cõi thấp nhất trong Dục giới.

Cho nên Phật dạy bốn lối thoát đầu ở trên chưa đi đến đâu, nó chỉ tương đối thôi. Con muốn thật sự dứt điểm, phá bỏ hoàn toàn những nhà tù giam hãm từ vô lượng kiếp thì con phải làm điều thứ năm này.

Cách giải thoát thứ năm

Tiếp theo, cách giải thoát thứ năm là con phải ý thức rằng đầu “danh” hay “sắc”, ở đó không hề có cái gì là “tôi”, là “của tôi” hết, mà tất cả chỉ là “suddhasankhara”, có nghĩa là tất cả danh sắc chỉ là pháp hữu vi do duyên mà có rồi mất.

Chữ “suddha” là “thuần túy”. Ở đây không có người, không có thú, không có phàm thánh, nam nữ, cao thấp, đẹp xấu, mập ốm, trong ngoài, trên dưới, dài ngắn, trắng đen, bla bla bla bla... Không còn kẹt trong nhị biên đối đãi, mà tất thấy chỉ là hiện tượng pháp giới phù du, có đó mất đó.

Có đó là do các duyên hội tụ, và cũng do các duyên mà nó bị băng hoại, biến mất. Phải thấy như vậy thì hành giả mới thấy rằng cả danh và sắc, cả thân và tâm, mọi hình thức hiện hữu đều là đáng chán.

Ba cách sợ

Tôi nói không biết bao nhiêu lần, con nít khi nào nó bị đau thì nó bắt đầu mới thấy sợ. Còn người lớn mình cũng có hai trường hợp.

Trường hợp một, khi thấy mình đứng trước nguy hiểm, bắt đầu mình mới biết sợ.

Nhưng có trường hợp thứ hai là đối với người trưởng thành, nhiều người chưa bị đau, thể xác họ chưa bị tấn công và tình trạng hiện tại họ cũng không có gì nguy hiểm. Nhưng do tầm nhìn xa, họ biết nếu tiếp tục như thế này thì chuyện này sẽ xảy ra. Cuối cùng họ nảy ra tâm sợ. Trong room có hiểu cái này không ta?

Có ba cách sợ.

Cách thứ nhất là của con nít. Khi nào nó trực tiếp bị tấn công trên thân xác của nó thì nó mới biết sợ, nó mới khóc.

Rồi người lớn, cao cấp hơn một chút, khi ý thức rằng mình đang đối diện với nguy cơ chết chóc, thương tích, đổ máu, trầy xước, mình bắt đầu mới biết sợ.

Còn có trường hợp thứ ba là thân xác chưa bị tấn công, và tình trạng mình cũng chưa có gì đáng ngại hay nguy hiểm, nhưng với tầm nhìn, với viễn kiến của một người lớn, mình biết nếu tình trạng này kéo dài thì chuyện này chuyện nọ sẽ xảy ra. Thế là mình cũng có lòng sợ hãi.

Thí dụ có rất nhiều người họ nghe tới chữ hôn nhân là họ nổi da gà, quý vị biết không, trong đó có tôi. Tôi có biết hôn nhân là cái gì đâu. Nhưng với tầm nhìn của một người 50 tuổi, tôi thấy nam nữ mà nó sáp vô là tôi lạnh xương sống. Tôi biết cái gì nó sẽ xảy ra. Đó là nói theo chuyện đời.

Ba loại khổ

Chuyện đạo, Đức Phật Ngài dạy tất cả khổ trong đời có ba loại:

Khổ thứ nhất là những gì làm cho thân tâm khó chịu, đó là khổ khổ.

Thứ hai là sự biến mất của những gì làm cho ta cảm thấy thích thú và thoải mái. Đó gọi là hoại khổ.

Thứ ba là chỉ cần có mặt trong đời này đã là khổ. Chính vì anh có mặt trên đời này anh mới có cơ hội anh lãnh hai cái khổ trước, thứ một và hai.

Tôi thí dụ. Trời nóng cũng là một cái khổ; mà cái mát của căn phòng máy lạnh đột nhiên biến mất cũng là một cái khổ; và sự có mặt trong xứ nóng cũng là một cái khổ. Chính vì anh có mặt trong xứ nóng anh mới gánh lấy hai cái khổ trước.

Trong kinh nói người tầm thường là họ phải bị cái khổ thứ nhất, là khi thân tâm họ bị tấn công, họ bị chuyện buồn lo, giận sợ; hoặc thân xác bị thương tích, bệnh hoạn, già nua, đau đớn, nhức mỏi, tê buốt thì họ mới thấy đó là khổ.

Hạng thứ hai không cần bị gì, họ chỉ thấy sự mong manh của hạnh phúc thế gian là họ đã ngán rồi. Họ nhìn thấy một bà cụ da nhăn, lưng còng, má hóp là họ đã teo, chớ bản thân họ chưa bị gì hết.

Nhưng bậc thượng trí, thượng căn, thượng thừa thì họ không cần phải bị đau đớn thân tâm; cũng không cần nhìn thấy sự héo úa tàn phai, mà chỉ cần họ nhớ rằng có mặt trên đời này là mình phải đối diện với vô vàn bất trắc. Có mặt trên đời này chắc chắn sẽ có lúc già, lúc chết. Có mặt trên đời này là chúng ta phải chấp nhận sự đổi thay liên tục của thiện ác, buồn vui, khi vậy khi khác.

Hàng thượng trí mới ngán cái điều thứ ba này, chớ thông thường người hạ căn và thiếu trí họ chỉ ngán hai cái khổ trước. Nghĩa là khi

Họ bị cái gì họ mới nghĩ tới chuyện tu.

Ở ngoài đời, dân trí thức có tiền họ nhìn thế giới này khác dân nghèo mà ít học. Dân nghèo ít học họ chỉ khổ khi nào họ bị đói, con bị bệnh không có thuốc, vợ đẻ mà không có tiền đi nhà thương thì họ mới biết khổ. Còn dân trí thức mà có tiền, nó chán đời theo cái hướng khác. Trưa nắng chang chang, họ thấy người ta đi bán vé số thì lòng cũng không thấy vui, chớ không phải họ đi bán họ mới thấy như thế.

Trưa nắng chang chang mà họ đi chiếc xe hơi máy lạnh thơm ngát, mà đi ngang lỗ cống đen ngòm, ruồi bu, kiến đậu, họ nhìn họ cũng ngán: “Trời ơi, cái đất nước này bao giờ mới sạch vậy ta. Không biết cái đất nước này bao giờ mới hết tham nhũng, hối lộ. Một đất nước sạch sẽ thì làm gì có mấy cái chuyện cống rãnh hôi hám, trẻ con bán vé số, rồi con nít đá banh ngoài đường”...

Cho nên một anh có học, có tiền, anh nhìn cái đó là ảnh nổi da gà rồi. Còn đối với một người nghèo ít học thì khi nào cái khổ đó chạm tới mộng họ thì họ mới nháy! Đó là ngoài đời.

Còn trong Đạo mình thì y chang như vậy, tùy trình độ mà chúng ta sợ khổ theo kiểu nào, ở mức độ nào. Quý vị nghe hiểu không?

Cho nên kinh này gọi là Kinh Vượt Ngục. Phật dạy rằng có năm trường hợp vượt ngục. Trường hợp một là phải bỏ được lòng thương thích. Hai trường hợp tiếp theo là

bỏ được sự bất mãn đối với năm dục. Trường hợp thứ tư là con phải chán cho được thế giới vật chất. Nhưng đến trường hợp thứ năm là con cũng phải chán luôn cái cõi tinh thần con à. Bởi vì con còn một tí ti hiện hữu thì con còn khổ.

Con phải nhìn thấy thế giới này chỉ là “suddhasankhara”, tức tất cả chỉ là những hiện tượng pháp giới phù du do duyên mà có, có rồi phải mất. Con phải ý thức như vậy thì con mới thành Thánh. Con mới không tiếp tục sanh tử luân hồi.

Ngài dạy rằng giống như một miếng phân người. Dầu nó dính trên đầu một que gỗ thì vẫn là phân người. Ngài dạy rằng cho dầu một hình thức hiện hữu nhỏ xíu xiu xiu, tinh vi, bé mọn như con ruồi, con muỗi, hay của một vị Phạm thiên trên cõi Phi tưởng phi phi tưởng, thì cũng còn là sự có mặt của những nỗi khổ niềm đau. Nhớ nhe.

Cho nên kinh này, Kinh Vượt Ngục, rất là sâu, quý vị à, sâu lắm!

Phẩm Kimbila

Bài kinh 201 – Kimila

Trong bản tiếng Việt gọi là Kimbila, mà trong bản Pali là Kimila.

Ở trong Chánh Tạng chỉ nói nhẹ thôi. Là có một lần đức Thế Tôn ở tại Veluvana, rồi tôn giả Kimila đến gặp Thế Tôn và hỏi Ngài: Vì đâu khi Thế Tôn nhập diệt Niết bàn thì Giáo Pháp tồn tại lâu dài hoặc nhanh chóng biến mất ở đời?

Nhưng trong Chú giải cho biết rằng ngài Kimila này, trước khi đến hỏi Phật câu này, thì Ngài đã là vị tỳ kheo có thần thông, chứng Túc mạng minh. Ngài mới nhớ lại chuyện xưa, là trong thời Đức Phật Kassapa. Trong đây có chữ rất là hay, cô Giọt Mưa lấy ra dùm tôi nhe. Cái chữ “sasanosakkanakale”. Đây:

Chữ “sasana” là “giáo pháp”.

“Kana” là “thời điểm, thời gian”.

“Osakkana” là “băng hoại, sa sút, suy giảm, sắp sửa tiêu tùng”.

“Sasanosakkanakale” có nghĩa là “thời mạt Pháp”. Còn nhiều từ Pali cũng có nghĩa này, chứ không phải chỉ chữ này không. Bữa nay mình học chữ này thôi.

Ngài Kimila nhớ lại lúc sắp mạt Pháp thời Đức Phật Ca Diếp thì Ngài là vị tỳ kheo đau lòng quá. Thấy cảnh đi đâu cũng không nghe người ta nói tới Pháp mà nói toàn chuyện tào lao. Không thấy người học Pháp, không thấy người thuyết Pháp, không thấy người hành Pháp, không thấy người hiểu Pháp, Ngài mới bỏ lên núi. Ngài làm một cái thang leo lên mỏm đá cheo leo để tu rồi bỏ xác trên đó.

Cho nên hôm nay Ngài xuất gia, đắc thiên, có Túc mạng minh, gặp Phật Thích Ca Mâu Ni, Ngài nhớ lại chuyện xưa mới vào lạy Phật. Ngài nhớ lại kiếp xưa Ngài từng tu hành trong thời mạt Pháp như vậy, nên Ngài mới hỏi Phật: vì đâu cũng là Giáo Pháp chư Phật, mình làm sao để cho Giáo Pháp trường tồn, trường tại lâu dài với chúng sinh. Mà nếu mình làm gì khiến cho chánh Pháp sớm mất ở đời.

Đức Phật Ngài mới dạy đây là những nguyên nhân: các đệ tử tăng tục, Tứ chúng, không có tôn kính bậc Đạo sư; không có tôn kính Chánh Pháp; không tôn kính chúng tăng; không tôn kính học Pháp; và không tôn kính lẫn nhau.

Cái này không giải thích thì bà con có người cho rằng mình đã hiểu, còn có người còn có thể không hiểu thế nào là tôn kính bậc Đạo sư.

Trong tháng 12 này chúng ta sẽ có cuốn Kinh Nghiệm Tuệ Quán 2. Trong đó có những vấn đề giáo lý mà tôi cho là thiết thân, tối yếu, chí cốt tử, rất cần thiết cho người tìm hiểu Phật Pháp đã đành, mà cho cả hành giả Tứ Niệm Xứ, Tuệ Quán Vipassana nữa. Trong đó tôi có liệt kê một loạt những vấn đề mà mình đã học trong lớp Kinh Tạng này. Thí dụ như những điều kiện nào hỗ trợ cho niềm tin, điều kiện nào hỗ trợ cho chánh niệm, điều kiện nào hỗ trợ cho sức tinh tấn, cho khả năng định tâm và cho trí tuệ.

Ở đây các vị biết rằng, trong những điều kiện hỗ trợ cho đức tin, hỗ trợ cho Hỷ Giác Chi, trong đó có một điều thế này: là tìm hiểu giáo lý về Thế Tôn, về Giáo Pháp và về chư tăng, để mỗi lần mình nghĩ tới đức Phật là mình thấy hoan hỷ rợn người. Mỗi lần mình nghĩ tới diệu dụng công năng của Chánh Pháp, mình hoan hỷ rợn người. Mình nghĩ đến Thánh chúng của Thế Tôn, mình hoan hỷ rợn người, thì cái đó mới là mình thành tựu được Hỷ Giác Chi.

Tôn kính bậc Đạo sư đúng cách

Tôn kính bậc Đạo sư là thế nào? Chúng ta phải học giáo lý tới cái mức độ mà bất cứ khi nào và ở bất cứ chỗ nào mà chúng ta nghĩ đến Ngài, thì mình dễ dàng mình có cảm giác là đang ngồi trước mặt Ngài, và Ngài đang ngồi trước mặt mình. Như vậy mới gọi là tôn kính bậc Đạo sư.

Ở đây có một kinh nghiệm nhỏ xíu, bà con bỏ túi cho vui nhưng lại vô cùng cần thiết. Là nhiều người hỏi tôi: “Sư có tin chuyện mình thờ Phật, đeo tượng Phật, mình không sợ ma hay không?”

Thì tôi nói rằng Đức Phật còn bị ma nó phá mà. Lát nữa mình học tới bài kinh đó nè. Phật còn bị ma phá nói gì mình. Dĩ nhiên Phật không có sợ. Mình tưởng tượng Ngài còn bị ma phá thì nói gì ma nó ngăn mình. Nhưng nói vậy không có nghĩa là huề vốn.

Tôi nói: “Có chứ, thờ Phật, ma có thể vẫn phá, nhưng tôi tin thờ Phật đúng cách thì không còn sợ ma nữa. Chuyện ma có phá hay không không quan trọng bằng chuyện ta có sợ hay không”. Cái đó mới quan trọng.

Đây là kinh nghiệm bằng vàng, đó là khi nào trước bàn thờ Phật mình không dám nghĩ bậy, làm bậy, mình có cảm giác là Ngài đang trước mặt mình.

Thì khi mà trước bàn thờ Phật, mình không dám nghĩ bậy, nói bậy, làm bậy, thì mai này có cái sợ hãi gì, mình chỉ cần bước vào gian thờ, mình nhìn lên Ngài là mình thấy vững bụng.

Còn đấng này mình thờ cho vui, thỉnh một bức tượng thiệt là đẹp, thiệt là đắt tiền cho bằng chị bằng em. Kiếm cho một cặp đèn bằng crystal Swarovski cho sang lên, để rồi thờ Phật như cái kiểu trang trí nội thất, thì cái kiểu thờ này, mai kia có lòng sợ hãi, có cảm giác cô đơn, buồn tẻ, vào gian thờ lòng không với giảm một tí nào hết.

Nhưng nếu mình thờ Phật bằng kiến thức giáo lý của một người Phật tử; mỗi lần lạy Phật là lạy với tất cả lòng kính thương và tri ân vô bờ đối với Ngài; trước mặt tượng Phật, hình Phật mình không dám nghĩ bậy, làm bậy; thì thờ như vậy coi như đã thờ tới nơi tới bến rồi đó, nghe. Thờ như vậy mới là không sợ ma.

Còn chuyện đeo tượng Phật trên người thì tôi trăm vạn ngàn lần can bà con. Đẹp đi, đừng có đeo, kỳ lắm, vì tới một ngàn lý do.

Thứ nhất, bức tượng mình đeo trên người chính là bức tượng dễ bị mình lãng quên nhất. Mình đeo tượng Phật có nghĩa là mình phải mang Ngài vào tất cả những nơi chốn cực kỳ bất tịnh. Chưa kể khi mình đeo bức tượng Ngài trên người mình, thân mình bất tịnh, rồi mình mang vào những chỗ bất tịnh, và nhiều khi mình mang Ngài trên ngực mà mình đi làm những chuyện bất tịnh, đừng ép tôi nói ra nghe.

Cho nên đeo để rồi bức tượng đó là bức tượng dễ bị lãng quên nhất, và đồng thời mình mang Ngài vào những chỗ bất tịnh, và bắt Ngài phải chứng kiến những việc làm bất tịnh, nhìn thấy những nơi chốn bất tịnh, vậy thì có nên hay không? Trăm lần không, vạn lần không! Nhớ nghe!

Cho nên tôn kính bậc Đạo sư ở đây có nghĩa là phải học hiểu giáo lý ở mức độ mà khi cần nghĩ tới Ngài, mình có cảm giác như Ngài đang trước mặt mình và mình đang quỳ trước Ngài. Đó là lòng tôn kính. Tôn kính do hiểu Ngài chứ không phải do nghe tăng ni hù dọa, nhát, không phải. Tôn kính do mình hiểu được Ngài, là Ngài đã vì chúng sanh mà máu lệ vô số kiếp sanh tử. Khi thành Phật rồi, Ngài giác ngộ tất cả mọi thứ ở đời, cái gì Ngài cũng biết, ai Ngài cũng thương, đức lành nào Ngài cũng có hết. Phải lạy Phật như vậy đó.

Giáo lý càng nhiều thì mình hiểu Phật càng sâu, càng rộng, thì cái lòng kính thương và tri ơn mới bao la vô bờ.

Tôn kính Chánh Pháp đúng cách

Với Chánh Pháp cũng vậy. Chánh Pháp không phải là những lời Kinh huyền diệu, xa vời, mông lung, huyền hoặc; mà chính là lẽ sống, đạo sống, là nguyên tắc sống, chuẩn mực sống để chúng ta theo đó làm cho mình trở nên tốt hơn, an lạc hơn, và khiến những người quanh ta an lạc hơn, tốt hơn. Phải hiểu Chánh Pháp như vậy đó.

Và lòng tôn kính Chánh Pháp ở chúng ta như thế nào thì hoàn toàn tùy thuộc vào khả năng hiểu biết và nhận thức của chúng ta đối với giáo lý. Dốt đặc như cán cuốc, kiến học loe hoe như lá me, coi như làm sao mình đối với Chánh Pháp bằng một cái lòng tôn kính được.

Tại sao tôi hay nói bà con làm gì làm cũng phải có cái khái niệm về Bốn Đế. Phải hiểu được mọi thứ là khổ thì mình mới thấy được Chánh Pháp là đáng quý cỡ nào. Chánh Pháp là con đường Đức Phật dạy, mình tu được bao nhiêu thì bớt khổ bấy nhiêu. Đối với Chánh Pháp, đêm đêm quỳ lạy Phật nhớ cái đó.

Phật là người đã thoát khổ, đã hành trì con đường thoát khổ, và bản thân đã thoát khổ. Còn Chánh Pháp chính là nguyên tắc hành trì để không còn khổ nữa. Dầu chư Phật ba đời mười phương hay người đệ tử nhỏ nhất của các Ngài cũng đều hành trì con đường ấy để thoát khổ. Con đường ấy được gọi là Chánh Pháp.

Tôn kính đoàn thể Thánh chúng đúng cách

Còn Thánh chúng đệ tử Thế Tôn là những người đã hành trì con đường đó qua lời dạy của chư Phật, và đã hành trì thành công, thành tựu. Chớ còn lơ mơ như mình chưa được gọi là Thánh chúng đâu quý vị.

Chúng ta phải nhớ rằng đâu đó dưới gầm trời này, trong vô lượng vũ trụ, hiện, đã, đang và sẽ có vô số Thánh chúng của chư Phật ba đời mười phương. Những người

lắng nghe chư Phật, thâm hiểu Chánh Pháp và thực hiện đúng mức để không còn tiếp tục mê lầm điên đảo mộng tưởng nữa.

“Viễn ly điên đảo mộng tưởng” là sao? Là trong cái vô thường thấy rõ nó vô thường. Trong cái khổ biết rõ nó là khổ. Trong cái vô ngã biết rõ nó là vô ngã. Trong cái bất mãn, bất mỹ, bất tịnh biết rõ nó là bất mỹ, bất tịnh. Thì cái đó gọi là “viễn ly điên đảo mộng tưởng”.

Thì có thờ Phật như vậy, có thờ lạy Tam Bảo như vậy mới được gọi là cung kính Đạo sư, cung kính Pháp và cung kính chúng tăng.

Còn đấng này mình thấy trọc lóc, quần y vàng khè là mình quỳ lạy bởi vì nghe nói đó là phước điền thì kệt quá. Mình đến với nhau dễ quá, mai này mình bỏ nhau cũng dễ, quý vị biết không? Mình không học giáo lý, mình lạy Phật một cách đơn giản, mình lạy thầy tu, tăng ni một cách đơn giản, mai này mình lìa bỏ Tam Bảo cũng một cách rất là đơn giản.

Chánh Pháp biến mất sau khi bậc Đạo sư viên tịch thì:

Điều thứ nhất là không tôn kính Đạo sư đúng mức.

Thứ hai là không tôn kính Chánh Pháp đúng cách.

Thứ ba là không tôn kính đoàn thể Thánh chúng đúng cách.

Thứ tư là không tôn kính học giới đúng cách, hành trì đúng cách.

Tôn trọng Học Giới đúng cách

Học giới là sao? Có nghĩa là đầu có tin Phật, đầu có tin Pháp nhưng điều thứ tư này thiếu là coi như zero. Có nghĩa là mình phải có niềm tin rằng toàn bộ Phật, Pháp, Tăng: Phật là người đã dạy mình con đường thoát khổ. Ngài đã hành trì con đường thoát khổ, đã thoát khổ và đã dạy con đường thoát khổ. Và Chánh Pháp là con đường

thoát khổ ấy; Chúng Tăng là người đã hành trì con đường ấy qua sự hướng dẫn của chư Phật, giáo hay trực tiếp.

Còn học giới là gì? Là tùy vào giới phẩm mà mình thọ trì được bao nhiêu và kiểu nào.

Tam học của người cư sĩ là 5 giới, 8 giới, lấy nó làm nền tảng để tu tập Chỉ Quán. Đó là tam học ở người cư sĩ.

Ở người xuất gia: sa di giữ giới sa di, tỳ kheo giữ giới của tỳ kheo, lấy cái đó tu tập Chỉ Quán thì cái này gọi là Tam học của người xuất gia.

Cho nên tin Phật, kính Phật, thương Phật, tin Pháp, thương Pháp, tôn kính Pháp, tôn kính chư tăng, tin tưởng chư tăng, nhưng còn cái thứ tư này là phải dốc sức hành trì Tam học theo khả năng, theo điều kiện hiện có của mình. Là cư sĩ thì phải có cái Tam học của người cư sĩ. Người xuất gia phải có cái Tam học của người xuất gia.

Chớ chỉ là niềm tin suông thì chưa đi đến đâu hết. Tôi tin ông bác sĩ, tin bà dược sĩ, tin nhà thuốc, tin bệnh viện, tin vào nền y học hiện đại, tin vào các thiết bị y khoa tối tân, tin hết. Nhưng bản thân tôi thì không làm tốt những lời hướng dẫn của bác sĩ; thuốc men bữa bãi, bữa uống bữa không, liều lượng thì trật lất, hứng thì làm cho một bụng, làm biếng thì chơi cho mảy mảy viên. Ăn uống thì không kiêng khem, tiết chế gì hết, rượu chè, hút xách thoải mái, thì còn khuya mới hết bệnh.

Nhớ nghe, cái thứ tư là hành trì đúng cách, ý thức được giá trị của Tam học.

Và cái thứ năm là lòng tương kính lẫn nhau.

Các tỳ-kheo phải có lòng tương kính lẫn nhau

Bốn điều đầu là ghê gớm rồi, là tinh hoa, là cốt lõi, xương máu, cốt tủy của đời sống giải thoát. Còn điều thứ năm này là lòng tương kính lẫn nhau.

Phật không còn nữa. Chánh pháp thì vô hình, trừu tượng. Chánh pháp vốn dĩ lẫn khuất, bàng bạc, phảng phất ngay trong mỗi con người. Chánh pháp có hay không là ở mỗi con người. Bây giờ Phật không còn, mình chỉ nương vào Pháp.

Làm sao thấy Pháp? Pháp chính là những gì thể hiện qua mỗi cá nhân người xuất gia hay là cư sĩ. Nếu hàng tứ chúng không tương kính lẫn nhau thì giáo pháp rơi vào tình trạng đại loạn.

Đức Phật ngài từng dạy rằng:

“Các người bây giờ đi xuất gia, không còn cha mẹ, anh em, thân quyến nữa, thì các người phải tương kính lẫn nhau. Ngày nào chúng Tăng còn tương kính lẫn nhau thì giáo pháp sẽ cường thịnh, không suy giảm”.

Tương kính cách nào?

“Này các tỳ-kheo, hãy trả lời câu hỏi này: nếu giữa một hội chúng tỳ-kheo đông đảo nhiều vị mà chỉ có một chỗ ngồi duy nhất, thì chỗ ngồi ấy các người sẽ dành cho ai?”

Thì trong đó có một số vị:

“Bạch Thế Tôn, chỗ ngồi ấy theo con nên để dành cho vị nào có xuất thân cao quý nhất”.

Như họ xuất thân là công hầu khanh tướng, đại gia, phú thương, phú hào. Nói chung là gia thế ghê gớm nhất. Ở ngoài đời họ quen ngồi trên đầu người ta rồi, họ đi tu bắt họ ngồi thấp cũng khó. Nói chung là về giai cấp xã hội.

Có một số vị:

“Bạch Thế Tôn, chỗ ngồi đó con nghĩ nên dành cho mấy vị uyên thâm kinh điển, tiếng tăm lừng lẫy”.

Có vị thì nói nên dành cho những vị đặc chứng thần thông, thiên định. Bởi những vị khác có thành tựu hay không người ta không thấy, nhưng mấy người có thần thông thì người ta thấy.

Rồi có người nói chỗ ngồi ấy nên dành cho vị A-la-hán đã diệt trừ phiền não, mà khổ thay trời mới biết ai là A-la-hán!

Rất nhiều ý kiến được đưa ra trước Thế Tôn. Cuối cùng Đức Phật dạy:

“Này các tỳ-kheo, các người phải nhớ rằng trong trường hợp ấy, cái chỗ ngồi ấy nên dành cho vị nào lớn hạ nhất”.

Phải dành cho vị tỳ-kheo nào tu lâu nhất, vì đó chính là trật tự của Thánh chúng. Đó là trật tự của Tăng đoàn, làm cho giáo pháp này không bị loạn.

Sẵn đây tôi mở ngoặc nói thêm cái này cho chúng ném đá nè, tôi đã đội mũ bảo hiểm rồi. Các vị tưởng tượng đi, nếu đặc thiết thì có ai đi xì ra cho người ta biết mình đặc không? Có chuyện vậy mà hiểu không nổi!

Người đặc thiết thì không khoe, mà người khoái khoe thì không đặc, chưa đặc gì hết. Đạo mình quái gở lắm, khi mà quý vị bắt đầu thấy quý vị hay hay là quý vị đã dở rồi. Cái người có ý khoe là người đó không có gì để khoe. Mà người có cái để khoe thì họ không còn muốn khoe nữa. Bởi vì cái đáng khoe nhất chính là tánh không muốn khoe, cái lòng không muốn khoe. Trong đạo mình, cái đáng để mình quỳ lạy chính là tánh không muốn khoe. Cái tánh đó là đáng để người ta lạy.

Cách đây không lâu tôi có gặp một người nói với tôi thế này. Mà tôi dòm cái mặt bà đó tôi không biết phải nghĩ làm sao:

“Con quý Sư lắm. Từ ngày con nghe Sư giảng bây giờ con phải khiêm tốn hơn. Con bây giờ mấy cái tầng thiền trước trên đó là con bỏ hết. Bây giờ con quay trở lại cái tầng sơ thiền cho nó mềm, mà mình tu kiểu khiêm tốn đó”.

Bả đổ cho tôi. Bả nói bả nghe tôi xong bây giờ bả chỉ quay về trú trong sơ thiên thôi. Các vị nghĩ coi... Bả tưởng cái sơ thiên là miếng khăn giấy trong túi, thò vô rút ra!

Sơ thiên là gì? Là anh phải bỏ năm triền. Trước năm dục anh không đam mê, không bất mãn. Anh làm chủ được cái chuyện buồn ngủ. Anh làm chủ được trạo hối, hoài nghi. Anh làm chủ được, anh tiết chế được năm triền, thành tựu năm chi thiên, anh mới đắc sơ thiên. Vị đó nếu tắt thở mà sơ thiên chưa mất thì vị ấy mới sanh về cõi Phạm thiên, có tuổi thọ tối thiểu là một phần ba đại kiếp. Các vị thấy ghê gớm chưa?

Mà đặng này cứ đi Pa-Auk về là đắc tùm lum tà la. Có người còn nói với tôi muốn đắc thiên là có luôn chứng chỉ certificate; cứ về thiên viện Hương Thủy, quận 2, TP. HCM, cứ theo đuổi một thời gian là có chứng chỉ luôn, tầng nào tầng nào là coi như có hết. Các vị tưởng tượng đi!

Cho nên Ngài nói là cái chỗ ngồi ấy không dành cho người có gia thế ghê gớm, mà cũng không phải dành cho vị đắc chứng cái này cái kia, mà phải dành cho một cá nhân thành tựu cái điều mà ai cũng phải nhìn thấy, đó là cái vị tu lâu nhất. Còn nếu mà dành cho vị này đắc cái này, đắc cái kia, thì Phật pháp sẽ đại loạn. Bởi vì thời Đức Phật thì có, có vị này đắc cái này, đắc cái kia. Nhưng Phật mất rồi thì trời biết ai đắc cái gì. Cha nào cũng tự cho mình đắc hết, là cái chỗ đó cho ai ngồi, các vị tưởng tượng đi, ai ngồi?

Cho nên cái tương kính ở đây là phải dựa trên trí tuệ, tương kính đây phải dựa trên kinh điển. Mà ngày nào chúng Tăng còn tôn kính lẫn nhau, còn quý, còn nể, còn trọng nhau, thì giáo pháp chưa có loạn.

Ngài dạy rằng:

“Này Kimila, khi nào thành tựu được năm điều đó thì giáo pháp của vị Chánh Đẳng Giác sẽ tồn tại lâu dài ở đời cho chúng sinh ân triêm lợi lạc. Còn bằng như ngược lại, ngày nào mà năm điều ấy không được biết đến trong hàng tứ chúng thì kể từ khi đó, giáo pháp của các Đức Như Lai sẽ nhanh chóng biến mất ở đời”.

Bài kinh này không phải “nhẹ” lắm đâu. Bài kinh này “nặng” lắm. Bài kinh này nói về tình trạng Chánh pháp, chứ không phải nói về nguyên nhân Chánh pháp mau hay lâu ở đời, mà nói tình trạng Chánh pháp.

Chúng ta nhìn vào đây để chúng ta xét thấy tình trạng Phật giáo thế giới nói chung và Phật giáo từng nước nói riêng hiện giờ đang ở trong tình trạng thế nào. Mình nói một cách vô tư thôi, bởi vì đâu có ai nghe đâu mà sợ. Như Phật giáo Thái Lan, tiêu chuẩn Pháp học, Pháp hành, theo tôi được biết, không quan trọng bằng các hoạt động cụ thể của một vị trưởng lão.

Vị nào mà đệ tử đại gia nhiều, vị nào có những hoạt động xã hội mạnh, vị nào có những đóng góp cụ thể ai nhìn vào cũng thấy, vị nào tiếng tăm ai nghe tới cũng biết, thì vị đó rất dễ dàng có một vị trí quan trọng trong hội đồng Trưởng lão, hội đồng toàn quyền quyết định vận mệnh của Tăng già Thái.

Mà điều kiện và tiêu chuẩn để ngồi vào trong hội đồng ấy, buồn thay, không phải là Pháp học, không phải là Pháp hành, mà lại là những hoạt động cụ thể mang tính xã hội của cá nhân vị trưởng lão ấy.

Rồi cả Tích Lan cũng vậy. Vị nào có đệ tử đông, có học vị, vị nào có những đóng góp cụ thể, thì vị đó sớm muộn gì cũng phải có cái vị trí ở trong Giáo hội, trong hàng ngũ giáo phẩm chức sắc.

Rồi tôi e rằng Phật giáo Lào, Phật giáo Campuchia cũng không nằm ngoài ngoại lệ ấy. Còn Phật giáo Việt Nam thì tôi xin cúi đầu im lặng!

Chúng ta thấy rằng, ngày xưa chữ “mỹ nhân” nó không chỉ cho người đẹp đâu quý vị. Cái thời Kinh Thi, trước Khổng Tử, cái chữ “mỹ nhân” chỉ cho người quân tử. Mỹ nhân là người thành tựu những đức đẹp, như là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Nhưng mà từ từ, từ từ chữ “quân tử” được định nghĩa khác đi. Và chữ “mỹ nhân” bây giờ chỉ còn dành để gọi mấy người đẹp thôi.

Thì trong Phật Pháp cũng vậy, những định nghĩa về “trưởng lão” hay về “hiền trí” trong buổi đầu của Giáo Pháp được định nghĩa khác. Ngày hôm nay, những vị được xem là cha, là thầy của tăng chúng thì được hiểu theo cái nghĩa khác, với những tiêu chuẩn, những chuẩn mực không giống như xưa. Nhớ nhe!

Cho nên có lần đó có người hỏi Khổng Tử bí quyết để ổn định thiên hạ, thì Khổng Tử chỉ xài một chữ thôi, đó là “chính danh”. Có nghĩa là ở đời này, ai được cái danh xứng gì thì xứng đáng một cách trọn vẹn với danh xứng đó, thì thế giới không có loạn.

“Quân quân, phụ phụ, thần thần”: vua cho ra vua, cha cho ra cha, con cho ra con, mà quần thần cho ra quần thần. Chồng ra chồng, vợ ra vợ, cha ra cha, mẹ ra mẹ, con ra con, thì thế giới không có loạn.

Gom hết những điều ấy lại, còn lại một chữ thôi, chốt lại một chữ gọn gàng thôi, đó là “chính danh”. Tức là cái danh xứng ấy nó phải tương ứng với con người.

Còn bằng ngược lại thì nó sẽ ở vào hoàn cảnh đáng buồn như trong một câu danh ngôn Tây có nói thế này: cái character, con người thật của anh, nó quan trọng hơn position, có nghĩa là tiếng tăm mà cuộc đời nó gán ép lên anh, ban tặng cho anh. Bởi vì con người thật của anh nó chính là anh, còn cái tiếng tăm, cái danh vị mà cuộc đời trao cho anh nó chỉ là áo khoác lên người của anh. Nó chỉ là những gì người ta nghĩ về anh chứ không phải là con người của anh. Nhớ nhe!

Cho nên hôm nay chúng ta học kinh này để chúng ta ôn lại một số điều đông tây kim cổ, trong và ngoài đạo, để ngó lại mình, để nhìn sang đạo, để xem chuyện gì mình phải làm và mình phải ra sao đối với chính mình, với đạo.

Bài kinh 202 - Nghe pháp

Bài kinh 202 là có năm lợi ích của một người nghe Pháp.

Thứ nhất là nghe cái điều chưa được nghe, chưa từng nghe, chưa từng biết. Cái này ai cũng đồng ý rồi.

Thứ hai là đối với những điều được nghe thì coi như mình bổ sung thêm cái điều được nghe. Có nghĩa là những cái lộn cộn, lẩn cẩn mà hồi đó mình chưa có rõ, mình nhớ chưa có kỹ. Thì bây giờ mình nghe Pháp thường, mình sẽ bổ sung điều được nghe.

Thứ ba, nghe Pháp thường giúp mình bớt được nhiều hoang mang, nghi hoặc, ngờ vực.

Thứ tư là nó củng cố chánh kiến của mình. Trong kinh nói giới chính là đôi chân của một người đi đường. Trí chính là cặp mắt, tri kiến cũng là một phần của trí. Trí có ba: trí do nghe, do nghĩ và do tu. Cho nên nghe Pháp cũng là một trong ba loại trí, nó làm cho huệ nhãn mình sáng lên.

Cho nên có năm điều lợi ích của một người nghe Pháp. Một là nghe được cái điều chưa nghe. Hai là củng cố, xác định, bổ sung cái điều đã được nghe. Thứ ba là chấm dứt được điểm hoài nghi. Thứ tư là coi như hỗ trợ cho chánh kiến.

Thứ năm là có được niềm vui trong Chánh Pháp. Nghe Pháp thường mình có được những niềm vui mà không thể có được từ vật chất, không thể có được từ những trò giải trí bên ngoài. Thí dụ như ăn nhậu, câu cá, săn bắn, trượt tuyết, du lịch, mua sắm... Những niềm vui đó không hề giống cái niềm vui của người được biết thêm một vấn đề giáo lý.

Và niềm vui của người học được giáo lý nó không giống niềm vui mà cha mẹ, vợ chồng, con cái, bạn bè, thức ăn, thức uống, các phương tiện hưởng thụ có thể đem lại cho mình. Cái niềm vui của một người mà hiểu rõ mình là ai, ở đâu mình tới, mình sẽ về đâu và bây giờ mình nên làm gì, thì cái niềm vui ấy nó lạ lùng lắm quý vị.

Khi mình càng lúc càng nhận rõ mình là ai, mình sẽ về đâu, từ đâu mình tới và mình nên làm gì, thì mình nhìn trời, nhìn đất, nhìn cây cỏ, phố xá, núi rừng, sông hồ, nhìn nó khác đi. Bởi vì thế giới này chính là những gì anh thấy. “The world is what you see”, cái tâm nhìn anh tới đâu thì thế giới này rộng hoặc hẹp đến đó. Chánh Pháp chính là con đường khai mở tầm nhìn của mình cho nó xa hơn, rộng hơn, sâu hơn, cao hơn.

Bây giờ chúc các vị một ngày vui. Ngày mai chúng tôi đi Turkey. Qua đó mong có wifi thì Chủ nhật chúng ta tiếp tục gặp nhau. Chúng ta còn một loạt kinh rất thú vị. Và chúng tôi vui là vì chúng ta đã đi hết gần một nửa; đi được 2/5 Tăng Chi Bộ Kinh. Ráng cho xong, giúp cho chúng ta sớm có một trú xứ Miến Điện.

Và tôi thiết tha mong mỗi chúng ta sẽ có ít nhất ba tháng mỗi năm, và tối đa là sáu tháng mỗi năm, chúng ta sẽ mặt giáp mặt làm việc với nhau. Những bài kinh này, quý vị nhìn mặt tôi và tôi nhìn mặt quý vị, thay vì bây giờ ngàn dặm sơn khê chỉ thấy nhau qua những hàng chữ.

Tôi mong rằng mỗi năm từ ba đến sáu tháng sẽ cùng gặp gỡ bà con tại trú xứ đó. Thích thì xách túi lên thiền viện trình Pháp với thiền sư. Buồn chán thì trở về gặp chúng tôi. Chúng ta sẽ có một trú xứ mát lạnh sinh hoạt kiểu Việt Nam.

Chúc các vị một ngày vui.